

Số: 350 /TTr-UBND

Cà Mau, ngày 12 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định tại điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước khi hợp nhất tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu (cũ) đã ban hành các nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn từng tỉnh¹. Sau khi ban hành, Nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định để triển khai thực hiện; kết quả Nghị quyết này của 02 tỉnh mới ban hành đã áp dụng cho năm ngân sách 2025, bước đầu đã tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong công tác lập, phân bổ ngân sách. Theo báo cáo của Sở Tài chính, trong năm 2025, tổng số, tỷ lệ ngân sách nhà nước đầu tư phát triển chi cho bảo vệ môi trường: 656,239 tỷ đồng, tỷ lệ 5,35%. Tổng số, tỷ lệ ngân sách nhà nước chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường: 136 tỷ đồng, tỷ lệ 0,51% tổng chi ngân sách².

Sau khi hợp nhất tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2025 về việc áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm

¹ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

² Công văn số 5976/STC-HCSN ngày 29/11/2025 của Sở Tài chính về việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng “Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Cà Mau năm 2025” (lần 2).

pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; trong đó, quy định “Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau” tiếp tục được áp dụng trên địa bàn tỉnh Cà Mau (mới) cho đến khi có văn bản thay thế. Ngày 13 tháng 02 năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HĐND thống nhất chủ trương xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hiện nay, theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (không tổ chức cấp huyện), theo đó bổ sung nhiều nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho Ủy ban nhân dân cấp xã, vì vậy cần thiết phân định thêm các nhiệm vụ chi cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phù hợp với tình hình mới. Đồng thời, về tên gọi của Nghị quyết cũng cần điều chỉnh (bổ sung thêm cụm từ “ứng phó với biến đổi khí hậu” để phù hợp với nội dung yêu cầu tại điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Ngoài ra, tỉnh Cà Mau là tỉnh cực Nam của Tổ quốc, có ba mặt giáp biển, hệ sinh thái ven biển và rừng ngập mặn đặc thù, đồng thời là một trong những địa phương chịu tác động trực tiếp và ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu. Tình trạng sạt lở bờ biển, bờ sông diễn biến phức tạp; triều cường, nước biển dâng và xâm nhập mặn xảy ra thường xuyên, ảnh hưởng sâu rộng đến sản xuất, đời sống dân cư và kết cấu hạ tầng. Những yếu tố đặc thù này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tăng cường năng lực phòng ngừa, thích ứng và phục hồi môi trường, qua đó cần thiết ban hành Nghị quyết quy định rõ ràng, cụ thể việc phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu giữa các cấp ngân sách địa phương, bảo đảm phù hợp thực tiễn, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực và chủ động ứng phó với các thách thức trong giai đoạn tới.

Từ căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết và phù hợp với quy định.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Xây dựng Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau để thay thế Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Nghị quyết được xây dựng nhằm phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương, làm cơ sở để các sở, ngành, địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện; nâng cao hiệu quả quản lý, tránh chồng chéo, tăng tính chủ động cho cấp xã; gắn với yêu cầu “phân cấp đi đôi với phân bổ nguồn lực”.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.
- Các nội dung chuyên môn của văn bản phải phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có nội dung liên quan.
- Trong quá trình phân định giữa cấp tỉnh - cấp xã phải đảm bảo nguyên tắc: Phân định rõ trách nhiệm, nguồn lực, kết quả, đảm bảo tính khả thi khi triển khai; đối với cấp tỉnh đảm bảo các nhiệm vụ chi mang tính liên vùng, liên xã, toàn tỉnh; đối với nhiệm vụ cấp xã đảm bảo nhiệm vụ trực tiếp cộng đồng để tránh chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 2390/UBND-NC ngày 17 tháng 02 năm 2026 giao các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị quyết (có phụ lục kèm theo Nghị quyết) theo trình tự, thủ tục quy định để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng thời hạn được giao (trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước ngày 01 tháng 6 năm 2026 hoặc tại kỳ họp gần nhất khi đủ điều kiện). Theo đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng hoàn thành dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 497/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 5 năm 2026. Dự thảo Nghị quyết được tham mưu xây dựng qua các quá trình cơ bản như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan chủ trì soạn thảo) tổ chức soạn thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và tổ chức lấy ý kiến các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường; đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định.

3. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; qua đó, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất thông qua; tiếp thu, hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, đảm bảo đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

b) Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách cấp tỉnh
- Điều 4. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của ngân sách cấp xã
- Điều 5. Hiệu lực thi hành
- Điều 6. Quy định chuyển tiếp
- Điều 7. Tổ chức thực hiện

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương được quy định tại Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 51 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP) cho hai cấp ngân sách (cấp tỉnh và cấp xã) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ):

1. Chỉnh sửa khoản 3 Điều 2 như sau:

“3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Cà Mau.”

2. Chỉnh sửa cụm từ “cấp xã” cho phù hợp, bỏ các nhiệm vụ “định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật” tại những nội dung quy định cụ thể tại các điểm a, b, d khoản 1; b, c khoản 3; khoản 4, khoản 5; điểm a, b, c, d, e, h khoản 8 Điều 4 như sau:

“Điều 4. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách cấp xã

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải trên địa bàn cấp xã, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm quản lý;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý;

c) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải;

d) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm quản lý;

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường trên địa bàn cấp xã, bao gồm:

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã;

b) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm quản lý, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ;

b) Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm quản lý theo dự án đầu tư;

c) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm quản lý;

4. Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm cơ quan, đơn vị cấp xã.

6. Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ trên địa bàn cấp xã.

7. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã, bao gồm:

a) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật;

b) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

8. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn quản lý;

b) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn quản lý;

c) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn quản lý;

d) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý;

đ) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn quản lý;

e) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn quản lý;

g) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;

h) Hoạt động của Ban chỉ đạo, tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn quản lý.”

3. Chỉnh sửa Điều 5 thành 02 khoản, chuyển nội dung quy định chuyển tiếp thành 01 Điều riêng.

“Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.”

4. Bổ sung “Điều 6. Quy định chuyển tiếp”

5. Chỉnh sửa “Điều 6. Tổ chức thực hiện” thành “Điều 7. Tổ chức thực hiện”.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cộng đồng giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo nội dung của Nghị quyết. Trong đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, Sở Tài chính và địa phương phối hợp triển khai thực hiện.

4. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương theo quy định pháp luật, theo nguyên tắc phân bổ tương ứng nhiệm vụ, có cơ chế hỗ trợ cấp xã khó khăn; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa.

5. Thời gian trình: Dự kiến Nghị quyết này trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua vào kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) năm 2026.

Trên đây là tờ trình dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Tờ trình này thay thế Tờ trình số 308/TTr-UBND ngày 05/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

(Gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên UBND tỉnh; (3) Báo cáo thẩm định; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (5) Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết; (6) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý các đơn vị có liên quan; (7) một số văn bản khác có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tư pháp; Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-XD;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, (TQ02), TH37/5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử